

chế sự co thắt khí quản có lập chuột lang do histamin gây nên.

2. **Tác dụng lợi đờm:** Dịch chiết bằng cồn và dịch chiết bằng ethyl acetat của lá dùng với liều 0,5 ml cho một chuột, bơm thẳng vào dạ dày chuột nhắt trắng có tác dụng tăng cường sự bài tiết phenolsulfonphthalin ở đường hô hấp; điều đó chứng tỏ thuốc có tác dụng lợi đờm.

3. **Tác dụng chống viêm:** Dịch chiết bằng cồn ethanol từ lá tì bà trên mô hình gây phù thực nghiệm bằng carragenin ở chuột cống trắng có tác dụng ức chế phù rõ rệt, thành phần có tác dụng được xác định là 2α - hydroxyoleanolic acid - methyl ester (Sơn Điền - Nhật Bản).

4. **Tác dụng kháng khuẩn:** Nước sắc lá tì bà thí nghiệm trên ống kính có tác dụng ức chế sự phát triển của *Staphylococcus aureus*.

Tính vị, công năng

Lá tì bà có vị đắng, tính bình, vào 2 kinh phế và vị, có tác dụng thanh phế, hoà vị, giáng khí, hóa đờm.

Công dụng

Lá tì bà được dùng chữa phế nhiệt sinh ho, ho khan, ho có đờm, khô cổ khản tiếng, ho ra máu, chảy máu cam, dạ dày nóng (vị nhiệt), nôn.

Liều lượng : 10 - 20g/ngày. Sắc nước uống, thường dùng phối hợp với một số vị thuốc khác như tiền hồ, tang diệp, chữa ho phong nhiệt; với đạm trúc diệp, chữa khản tiếng. Theo tài liệu nước ngoài, lá tì bà còn được dùng chữa viêm phế quản mạn tính. Lá giã nát đắp ngoài chữa mụn nhọt, chảy máu cam. Nước ép từ vỏ thân tỳ bà có tác dụng cầm nôn.

Quả tì bà ăn sống có tác dụng giải khát, tiêu đờm, chống buồn nôn.

Bài thuốc có tì bà

1. **Chữa ho, viêm họng :**

Lá tì bà 20g, khoản đồng hoa 10g, cam thảo 5g. Nước 600 ml. Sắc còn 200 ml. Chia làm 3 lần uống trong ngày.

2. **Chữa phế nhiệt, kho khan lâu ngày :**

Lá tì bà 12g; mạch môn, vỏ rễ dâu, thiên môn, sinh địa, mỗi vị 10g. Sắc nước uống.

3. **Chữa viêm phế quản mạn tính :**

Lá tì bà 2g, hoàng kỳ, trần bì mỗi vị 1,5g; phụ tử, bạch thực, cam thảo (chích) mỗi vị 1,0g; nhục quế, can khương mỗi vị 1,0g. Tất cả nghiền thành bột, chế thành viên hoàn, chia làm 2 lần uống trong ngày (Trung dược từ hải - Trung Quốc).

842. TÍA TÔ

Perilla frutescens (L.) Britton

Tên đồng nghĩa: *Perilla ocymoides* L.

Tên khác: Tử tô, hom tô (Thái), phjác hom deng, phần cửa (Tày), cần phân (Dao).

Tên nước ngoài: Perilla, purple common perilla (Anh); pérille (Pháp).

Họ: Bạc hà (Lamiaceae).

Mô tả

Cây nhỏ, cao 0,5 - 1m. Thân vuông, mọc đứng, phân cành nhiều, có rãnh dọc và có lông. Lá mọc đối, hình bầu dục, dài 2 - 3 cm, gốc tròn, đầu nhọn, mép khía răng và uốn lượn, mặt trên xanh lục, mặt dưới màu tía, có khi cả hai mặt đều tía, có lông; cuống lá dài. Khi vò ra, lá có mùi thơm đặc biệt.

Cụm hoa mọc ở kẽ lá và đầu cành, dài 6 - 20 cm; lá bắc hình mác, dài hơn hoa; hoa nhỏ, màu trắng hay

tím; đài hình chuông, phình ở phía dưới, môi trên cụt, 3 răng bằng nhau, ngắn, môi dưới 2 răng; tràng có ống hình chuông, có lông ở mặt ngoài, gồm 5 cánh; nhị 4, ẩn trong tràng, chỉ nhị ngắn, nhẵn, dính ở 1/3 phía trên ống tràng, bao phấn hình mắt chim, lúc đầu song song sau chẻ ra; bầu có vòi nhụy xẻ đôi.

Quả bế, hình cầu, đường kính 1 mm, màu nâu sáng.

Mùa hoa quả : tháng 5 - 8.

Còn có loài tía tô lá quăn (*Perilla ocymoides* L. var. *bicolorlaciniata*) có giá trị sử dụng cao hơn.



Tía tô - *Perilla frutescens* (L.) Britton

Cây dễ nhầm lẫn:

Cây cộc giậu (*Perilla ocymoides* L. var. *purpurascens* Hay.) không có mùi thơm của tía tô.

Phân bố, sinh thái

Chi *Perilla* L. có một loài ở châu Á. Nguồn gốc có thể từ vùng núi của Ấn Độ và Trung Quốc, sau được nhân trồng khắp nơi ở châu lục. Cây cũng được trồng ở vùng có khí hậu ôn hoà của châu Âu. Ở Mỹ và Ukrain còn thấy cây mọc trong trạng thái hoang dại (PROSEA; 1999; No 13 - Spice; 166 - 170).

Ở Việt Nam, theo Vũ Xuân Phương (2000), chi *Perilla* L. hiện có 3 taxon: *P. frutescens* (L.) Britt. là cây mọc hoang dại ở các tỉnh miền núi phía bắc (Lào Cai, Lạng Sơn, Hoà Bình...) và hai dưới loài. Tía tô trồng gồm rất nhiều giống khác nhau.

Tía tô là cây ưa sáng và ưa ẩm; thích nghi với những vùng khí hậu ôn hoà, nhiệt độ trung bình năm từ 18 đến 23°C. Ở những vùng có khí hậu nhiệt đới điển hình như ở các tỉnh phía nam, cây thường chỉ trồng được vào mùa mưa. Tía tô ra hoa kết quả nhiều. Sau khi quả già, cây tàn lụi, hạt giống phát tán ra xung quanh, đến mùa mưa ẩm năm sau mới nảy mầm. Tuy nhiên, do nhu cầu sử dụng rau gia vị nhiều, nên ở

vùng ngoại thành Hà Nội, người ta có thể trồng tía tô gần như quanh năm. Ở Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc, tía tô được trồng đến hàng chục ngàn hecta để thu hoạch hạt cất tinh dầu.

Cách trồng

Tía tô được trồng khắp nơi làm gia vị và làm thuốc.

Cây được nhân giống bằng hạt. Đối với cây để làm giống thu hạt, chỉ nên hái lá 1 - 2 lần, rồi bón thúc để có nhiều hoa và hạt chắc. Khi quả chín, cắt cả cây hoặc cành phơi khô, đập lấy hạt. Hạt có thể gieo thẳng hoặc gieo trong vườn ươm vào mùa xuân.

Đất trồng tía tô tốt nhất là đất phù sa. Cắm làm kỹ, lên luống cao 15 - 20 cm, rộng 70 - 90 cm, rãnh luống rộng 25 - 30 cm. Cây tía tô chịu hạn kém, cần tưới đủ nước; thiếu nước, lá bị xoắn và nhỏ. Để lấy lá, cần bón nhiều đạm cho cây. Có thể dùng nước phân chuồng, nước giải, đạm pha loãng tưới hàng tuần vào gốc cây, nhất là sau mỗi lần thu hái. Nếu lấy hạt, cần bổ sung thêm lân.

Tía tô ít bị sâu bệnh.

Bộ phận dùng

Lá (tô diệp), thân (tô ngạnh) và quả (tô tử).

Các bộ phận được thu hái về, phơi trong râm mát hay sấy nhẹ cho khô để giữ nguyên mùi vị.

Thành phần hóa học

Tía tô chứa 0,3 - 0,5% tinh dầu (theo trọng lượng khô) có các chỉ số sau :

$d^{20}_D - 0,990$; $n^{20}_D - 1,4865$; $[\alpha]^{20}_D - 0,74$; chỉ số acid 2,64; chỉ số xà phòng 78,01; chỉ số este 75,32. Hàm lượng citral 20% (The Wealth of India vol VII 1966, 311, 312).

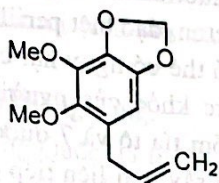
Thành phần tinh dầu tía tô chủ yếu là perillaldehyd. L. perilla alcohol; limonen, α pinen, hydrocumin, còn có elsholtziacetone (Võ Văn Chi TDCTVN 1999 - 1205).

Shao Shuping, Zhu Shasyi đã phân tích thành phần tinh dầu trong một số loại (type) tía tô như sau :

- Loại hoa trắng, thân xanh có thành phần chủ yếu là perillacetone (perillacetone type)
- Loại hoa đỏ và cây đỏ có thành phần chủ yếu là perillaldehyd (perillaldehyd type).
- Loại hoa đỏ hồng, lá mặt trước màu xanh, mặt sau màu đỏ, xanh hoặc lá xanh cành đỏ xanh có thành phần chủ yếu là dillapiol hoặc myristicin (phenylpropanoid type).

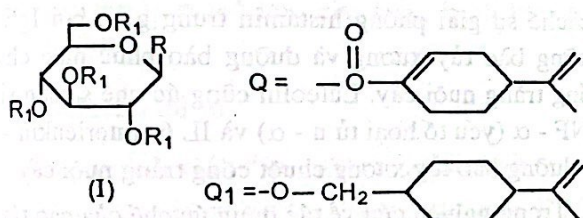
(CA. 120, 1994, 2124989)

Harda, Gisho, Koezuka Yasuhiko đã thử tác dụng kéo dài giấc ngủ gây bởi hexobarbital bằng các dịch chiết methanol của 6 chemotype của tía tô (khác nhau về thành phần hóa học của tinh dầu) và đã xác định được chất dilapiol là hoạt chất chính với ED = 1,57 mg/kg (CA. 109, 1988, 204290 y).



Kang raphael, Helms, Randi phân tích dịch cất keo hơi nước từ tía tô thấy có perialldehyd, limonen, β -cargophylen, bergamoten và linalool perillaldehyd (chủ yếu là thành phần) đã ức chế phần lớn các vi khuẩn và nấm (CA. 117, 1992, 208776 z).

Fujita, Tomoyuki, Nakayama Mitsuru đã tách được monoterpen glucosid và tổng hợp được perillosid B (I : R = Q, R₁ = H).



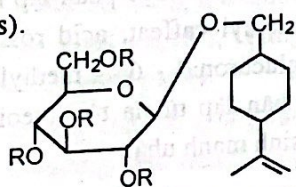
Perillosid C (I : R = Q₁, R₁ = H) (CA. 118, 1993, 169523 p)

Các tác giả còn tách được từ lá tía tô một glucosid nhân thơm là 1,2 methylen dioxy - 4 methoxy - 5 allyl - 3 - phenyl - β - D - glucopyranosid.

Chất này có tác dụng chống nấm.

(CA. 119, 1993, 113674 s).

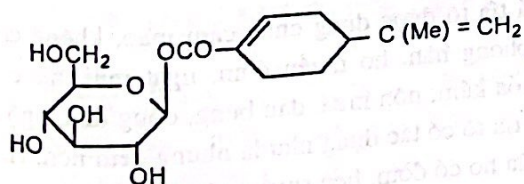
Một chất monoterpen β - glucosid cũng được tách từ lá là perillyl β - D - glucopyranosid.



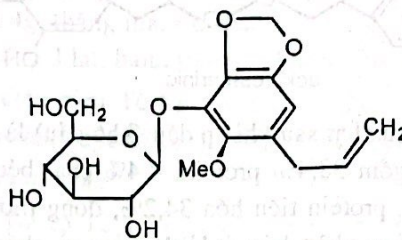
R = H, Acyl
(CA, 116, 1992, 236081 s)

Ba chất monoterpen glucosid perillosid B - D cũng được tách từ lá tía tô tươi.

(CA. 120, 1994, 158788 t)



Chất perillosid E được chiết và phân lập từ lá tía tô loại đỏ



Ba thành phần glucosid mới được tách từ dịch chiết methanol của tía tô, trong đó 2 chất là jasmonoid glucosid được xác định là 5' - β - D - glucopyranosyl oxyjasmonic acid và 3 β - D - glucopyranosyl - 3 - epi - 2 - isocucurbitic acid. Chất thứ ba là một glucosid mới lần đầu tiên phát hiện trong tự nhiên đó là 3 β - D - glucopyranosyl - oxy - 5 - phenyl valeric (Fujita Tomoyuki, CA. 124, 1996, 337914 m).

Loại tía tô trồng ở Nhật Bản để lấy chất màu có chứa authocyanidin, perillanin chlorid, khi thủy phân cho delphinidin acid protocatechic và glucose. (The Wealth of India Vol VII. 1996 - 312).

Hạt tía tô chứa nước 6,3%, protein 23,12%, dầu béo 45,07%, N 10,28%, sợi 10,28%; tro 4,64%, acid nicotinic 3,98 mg/100g. Ngoài ra, còn có các chất có hoạt tính chống oxy hóa (antioxydant).

Thành phần trong protein của hạt tía tô gồm N : 16g arginin 14,8; histidin 2,5; leucin 0,3; isoleucin 4,3; lysin 4,4; methionin 1,4; phenylalanin 5,1; threonin 3,0 và valin 6,0.

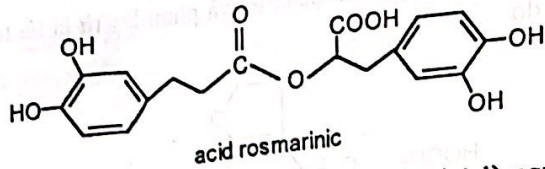
Các đặc trưng của dầu hạt tía tô thường là : tỷ trọng 15° 0,930 - 0,937 ; n_D²⁵ 1,48 - 1,482; chỉ số acid 1 - 6; chỉ số xà phòng 189 - 197; chỉ số iod 193 - 208 và phần không xà phòng hóa 0,6 - 1,3%.

Thành phần của dầu béo gồm acid béo chưa no 3,5 - 7,6%; oleic 3,9 - 13,8%; linoleic 33,6 - 59,4%. acid linolenic 23,3 - 49% trong 1 số mẫu dầu còn chứa trên 70% acid linolenic.

Pork, Kerun Hyung đã dùng methanol để chiết hạt tía tô chưa chín rồi tách từng phần bằng dung môi, chạy sắc ký cột silicagen, rồi lọc qua sephadex, thu được các chất thuộc nhóm brassinosteroid mà thành phần chính là catasteron và thành phần thứ yếu là homodolicholid (CA. 120, 1994, 54138 d).

Ngoài ra, còn monoolein và monopalmatin (CA. 122, 1995, 101 672 p).

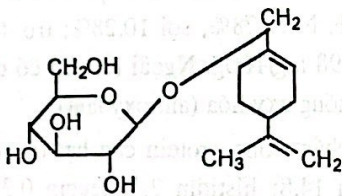
Fukushima, Makoto; Yagisawa Toshiko đã chế tạo một loại mỹ phẩm có chứa acid rosmarinic chiết từ tía tô.



Phần bã của hạt sau khi ép dầu (khô dầu) là nguồn thức ăn tốt gồm 38,4% protein, 4,4% chất béo, 16%, 20,9%, protein tiêu hóa 34,2%, đồng thời cũng được dùng làm phân bón ở Nhật Bản; vì chứa calci 0,56%, phosphor 0,47% và tritogen 6,14%.

Theo tài liệu Trung Quốc, tía tô có tinh dầu gồm L. perilla alcohol, dihydroperilla alcohol, L. perilla aldehyd, ehsholtzfaceton, naginataceton, perillaceton, isoegomakaceton, elemicin, myristicin, dillapiol, capallulenol các chất màu cyanidin - 3 - (6 - coumaroyl - β - D - glucosid) - 5 - β - D - glucosid; malonyl shisonin - 3 - O - [6, O - (E) - p - coumaroyl - β - D. glucopyranosyl] - 5 - O - (6 - O - maloryl - β - glycopyranosyl) cyanidin.

Caffeyl malonylcyanidin, malonyl - cis - shisonin; cafeyl cyanin, cis shisonin và perillosid A (Trung dược từ hải III 808, 809).



Koda, Takatoshi; Ichi takahito đã sản xuất chất màu bằng phương pháp nuôi cấy mô tía tô sau 14 ngày thì thu được chất màu chủ yếu là malonyl shisonin và shisonin (CA. 118, 1993, 190033 p).

Tác dụng dược lý

Tinh dầu tía tô có tác dụng kháng khuẩn *in vitro* đối với các vi sinh vật sau đây theo thứ tự hoạt tính giảm: tụ cầu vàng, trực khuẩn lỵ Flexner, trực khuẩn lao, *Bacillus mycoides*, *Bacillus subtilis*, liên cầu tan máu, trực khuẩn lỵ Shiga, *Salmonella typhi*, *Proteus vulgaris*, *Candida albicans*, trực khuẩn coli, phế cầu. Đồng thời, nó có tác dụng diệt amip lỵ với nồng độ ức chế thấp nhất là 1/1.280.

Dịch chiết methanol có tác dụng kháng nấm *Candida albicans*. Một hoạt chất kháng khuẩn và kháng nấm là perillaldehyd citral. Tía tô có tác dụng gây trấn tĩnh, hạ nhiệt, làm toát mồ hôi, ức chế co thắt cơ trơn ruột gây bởi histamin và acetylcholin, và gây cảm ứng đối với interferon. Hạt tía tô chứa chất có hoạt tính chống oxy hóa.

LD₅₀ của cao chiết từ tía tô tiêm phúc mạc cho chuột nhất trắng là 1.000 mg/kg. Tía tô chứa furanyl ceton, đặc biệt perilla ceton, là chất gây phù phổi, nên có thể có nguy hại cho gia súc ăn cỏ lẫn tía tô và cho sức khỏe của người khi dùng nhiều. Một bài thuốc gồm tía tô và 7 dược liệu khác đã được áp dụng điều trị sẩy thai liên tiếp cho 31 bệnh nhân. Kết quả đã có tác dụng giữ thai trên 93,7% số người điều trị.

Một bài thuốc khác gồm tía tô và 4 dược liệu khác đã được áp dụng điều trị cảm cúm và đạt kết quả tốt 64,8%, trung bình ở 26,4% và không kết quả ở 8,8% số bệnh nhân.

Tác dụng chống dị ứng của luteolin có trong các loài *Perilla* được nghiên cứu trên các mô hình dị ứng thực nghiệm trên động vật gặm nhấm. Luteolin ức chế phản ứng da gồm hai giai đoạn (giai đoạn phản ứng tức thì, và giai đoạn phản ứng chậm), trung gian bởi kháng thể IgE ở chuột nhất trắng. Tuy vậy, luteolin không ảnh hưởng đến phản ứng da gây bởi yếu tố hoạt hóa tiểu cầu. Trong một nghiên cứu *in vitro*, luteolin ức chế sự giải phóng histamin trung gian bởi IgE từ dưỡng bào tủy xương và dưỡng bào phức mạc chuột cống trắng nuôi cấy. Luteolin cũng ức chế sự sản sinh TNF - α (yếu tố hoại tử u - α) và IL 6 (interleukin - 6) từ dưỡng bào tủy xương chuột cống trắng nuôi cấy.

Trong nghiên cứu về tác dụng ức chế của cao tía tô và những thành phần phenolic trên sự tăng sinh tế bào màng nang cuộn mao mạch nuôi cấy của chuột gây bởi cytokin, đã nhận xét thấy cao tía tô ức chế sự tổng hợp DNA của tế bào màng nang cuộn mao mạch được kích thích bởi yếu tố sinh trưởng từ tiểu cầu 10 mg/ml, hoặc yếu tố hoại tử u - α (100 U/ml). Các thành phần hoạt chất được phân lập từ cao tía tô là acid caffeic, methyl caffeat, acid rosmarinic và lutein - 7 - O - glucuronid - 6'' - methyl ester. Trong các flavonoid phân lập từ tía tô, luteolin có hoạt tính chống tăng sinh mạnh nhất.

Tính vị, công năng

Tía tô có vị cay, mùi thơm, tính ấm, vào hai kinh phế và tỳ, có tác dụng phát tán, phong hàn, hành khí, hóa trung.

Công dụng

Lá tía tô được dùng chữa cảm mạo, không có mồ hôi, phong hàn, ho nhiều đờm, ngạt mũi, nhức đầu, tiêu hóa kém, nôn mửa, đau bụng, động thai, ngộ độc. Cành tía tô có tác dụng như lá nhưng kém hơn. Hạt tía tô chữa ho có đờm, hen suyễn, té thấp.

Liều dùng ngày 3 - 10g lá và hạt, 6 - 20g cành, dạng thuốc sắc và xông. Có thể uống nước hầm 15 - 20g lá tươi, hoặc thái nhỏ 10 lá tươi trộn với cháo nóng ăn.

Kiêng kỵ : ho khan, ho ra máu không dùng.

Theo y học cổ truyền của Trung Quốc, lá tía tô có tác dụng làm toát mồ hôi và trừ hàn, điều hoà chức năng dạ dày, chữa cảm hàn với ho và nôn, nôn do thai nghén, tiêu chảy, ngộ độc cua cá. Liều 5 - 9g.

Thân tía tô điều hoà lưu thông khí, làm giảm rối loạn chức năng dạ dày, giảm đau, phòng ngừa sảy thai. Chủ trị : tức thở ở ngực và đau vùng thượng vị với cảm giác nóng, nôn, đe dọa sảy thai. Liều 5 - 9g.

Quả tía tô làm giảm khó thở và giảm ho, trừ đờm, làm thư giãn ruột. Chủ trị : ho và khó thở do ứ trệ đờm, táo bón. Liều 3 - 9g.

Ở Ấn Độ, tía tô được coi như có tác dụng an thần, chống co thắt, làm toát mồ hôi, chữa nhức đầu và rối loạn hoạt động tử cung. Ở Nhật Bản, tía tô cũng được dùng làm thuốc ra mồ hôi, giải biểu, hành khí, giải độc tôm cá.

Bài thuốc có tía tô

1. Chữa cảm sốt, nhức đầu, ngạt mũi, nhức mỏi :

a) Lá tía tô, cây cà gai leo, hương phụ, mỗi vị 80g; trần bì 40g. Tán bột, uống mỗi ngày 20g.

b) Tía tô, nhân sâm, tiền hồ, cát căn, bán hạ, phục linh, mộc hương, mỗi vị 2,8g; trần bì, cát cánh, cam thảo, chỉ xác, mỗi vị 2g; gừng 3 miếng, táo 2 quả. Sắc và chia 3 lần uống trong ngày.

c) Tía tô 15g; vỏ quýt để lâu, hương phụ, gừng sống, hành trắng cả cây, mỗi vị 8g. Sắc uống lúc thuốc còn nóng. Dùng ngoài lấy 1 củ gừng giã nhỏ, chung nóng, gói vải xát 2 bên gáy và dọc xương sống.

d) Tía tô 15g; kinh giới, hương nhu, vỏ quýt, cúc tần, mỗi vị 10g; gừng tươi 3 miếng. Sắc uống. Nếu nhức đầu, thêm mạn kinh tử 12g, bạch chỉ 8g.

e) Tía tô, kinh giới, lá tre, cúc tần, bạc hà, cát căn mỗi vị 20g; cúc hoa, địa liên mỗi vị 5g. Dùng dạng thuốc bột hoặc viên, mỗi ngày 2 - 3 lần, mỗi lần 4 - 6g.

f) Tía tô 20g, bạc hà 40g; cối xay, lá tre, kinh giới, mỗi vị 20g. Dạng thuốc bột hoặc viên. Ngày 2 - 3 lần, mỗi lần 3 - 4g.

g) Viên cảm Hương tía : trong 1 viên có tía tô 0,263g, hương phụ 0,187g, bạch chỉ 0,150g, trần bì 0,075g, cam thảo 0,075g.

h) Tía tô, sinh địa, mỗi vị 12g; khương hoạt 8g, xuyên khung 6g; độc hoạt, hương phụ, phòng phong, mỗi vị 4g; thăng ma, cát căn mỗi vị 3g; cam thảo 2g, gừng sống 3 lát, hành trắng một túm. Sắc uống.

i) Viên cảm Tô hà : trong 1 viên có tía tô, bạch chỉ, bạc hà, xuyên khung, mỗi vị 0,06g, analgin 0,10g.

2. Chữa ho đờm :

a) Tía tô 120g, vỏ quýt 160g. Sắc 1/2 rượu, 1/2 nước, uống làm 2 lần.

b) Hạt tía tô, hạt cải bẹ, mỗi vị 10g, tán bột uống hàng ngày với nước sắc lá táo chua và dây tơ hồng sao, làm thang.

c) Sirô ho : Cao tía tô 2/1, 15g; cao chỉ xác 2/1, 15g; cao húng chanh 2/1, 15g; sirô đơn vừa đủ 100g, cồn vỏ cam tươi vừa đủ cho thơm.

Người lớn mỗi ngày 2 - 3 lần, mỗi lần 30 ml, trẻ em mỗi lần 10 ml, uống sau bữa ăn.

3. Chữa ho suyễn, khí đoản, ngực đầy tức :

a) Tô tử, bán hạ, mỗi vị 10g; đương quy 8g; cam thảo, nhục quế, mỗi vị 6g; tiền hồ, hậu phác, tô điệp, mỗi vị 4g; gừng tươi 2 lát, đại táo 1 quả. Sắc uống ngày một thang.

b) Tô tử 10g, bạch giới tử 8g, lai phục tử 8g, đường phèn vừa đủ. Sắc các dược liệu, cho đường vào nước sắc, uống nóng, ngày một thang.

c) Tô tử, hoàng kỳ, bạch truật, mỗi vị 12g; phòng phong 8g. Sắc uống ngày một thang.

4. Chữa sốt xuất huyết :

Tía tô 15g, rau má 30g, cỏ nhọ nổi 30g, bông mã đề 20g. Giã lấy nước uống hoặc sắc uống. Có thể dùng bài thuốc này để phòng bệnh.

5. Chữa đau bụng, lỵ, tiêu chảy :

a) Tía tô, hoắc hương, gừng sống sắc làm thang uống với thuốc hoàn gồm: hoắc hương, củ gấu, trần bì, hạt cau, lá sắn thuyền, hạt vải, lá sung, vỏ chân chim, mộc hương nam, seo gà, vỏ duối, thanh ngâm (lượng bằng nhau), bọc hoàn bằng bột chàm. Bài thuốc này có thể chữa sốt rét.

b) Tía tô 12g, rau sam 20g, cỏ sữa 16g; cam thảo đất, cỏ mần chầu, kinh giới, mỗi vị 12g. Ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần 10 - 12g, dưới dạng thuốc bột hoặc thuốc hoàn. Nếu bệnh cấp có thể sắc uống.

c) Tía tô sắc uống với vỏ quýt, vỏ vối, vỏ rụt, thanh bì, sa nhân, thân khúc, mạch nha, mỗi vị 2g, tán nhỏ viên với mật, mỗi lần uống 4g (đặc trị trẻ bị tiêu chảy).

6. Chữa trúng độc do ăn cua cá, trứng dầy :

a) Lá tía tô 10g sắc uống nóng, hoặc lá tươi giã vắt lấy nước uống.

b) Lá tía tô 10g, sinh khương 8g, sinh cam thảo 4g, nước 600 ml. Sắc còn 200 ml, chia 3 lần uống lúc nóng.

7. Chữa bụng đau nhói :

Tía tô 3 lá, muối 2g, sắc nước uống với thuốc hoàn gồm củ nghệ, củ gừng (lượng bằng nhau) và ít cam thảo.

8. Chữa trẻ ăn, bú không tiêu :

Tía tô sắc uống với hương phụ 40g; sa nhân, trần bì, tam lăng, nga truyệt, mạch nha, thần khúc, mỗi vị 20g, tán nhỏ, làm thành viên bằng hạt đỗ xanh, mỗi lần 20 viên.

9. Chữa đau quận bụng :

Tía tô sắc uống với bạch đậu khấu, sa nhân, thanh bì, hương phụ, nga truyệt, cam thảo (lượng bằng nhau) tán nhỏ.

10. Chữa trẻ em phong đòn lên kinh :

Tía tô 5 lá, củ chóc nướng 2 - 3g, gừng sống 4 miếng, sắc rồi hoà ít mật lợn uống.

11. Chữa phụ nữ có thai đau bụng, động thai :

a) Tía tô 8g, đảng sâm 16g, bạch truyệt 12g; đại phúc bì, dương quy, mỗi vị 8g, xuyên khung 6g; cam thảo, thông bạch, mỗi vị 4g. Sắc uống trong ngày.

b) Lá tía tô, sắc uống với thuốc bột: hương phụ, sa nhân (lượng bằng nhau) mỗi lần 4 - 8g.

c) Tô tử 15g, dương quy 10g; đại phúc bì, nhân sâm, xuyên khung, trần bì, bạch thực, mỗi vị 7g; cam thảo 3g, hành tâm 3g, gừng tươi 4 lát. Sắc uống lúc đói.

d) Cành tía tô, cát căn, mỗi vị 12g. Sắc uống.

e) Tía tô 16g, củ gai 20g, tang kỳ anh 16g, thực địa 12g, dương quy 10g, ngải diệp 8g, hoàng cầm 8g, cam thảo 4g. Sắc uống.

12. Chữa sưng vú :

a) Tía tô 10g, sắc nước uống, bã đắp vào vú.

b) Cành tía tô 12g, củ gai 12g, ngải cứu 1 nắm, cỏ nhọ nổi 1 nắm, trác bách diệp sao cháy đen 1 nắm. Sắc đặc uống 1 lần.

13. Chữa dị ứng, mẩn ngứa, mày đay :

a) Tô diệp 16g, kinh giới 10g, gừng tươi 8g, cam thảo 6g. Sắc khoảng 15 phút, uống lúc nóng.

b) Lá tía tô 1 nắm giã vắt lấy nước cốt uống, bã xát vào chỗ ngứa. kiêng tắm nước và ra gió.

14. Chữa tổ đũa :

Lá tía tô tươi vò xát ngày 2 - 3 lần, liên tục đến khi mụn khô hết ngứa, rồi rụng vẩy. Đối với mụn to, dùng sợi chỉ thắt chân mụn thật chặt để mụn không phát triển, rồi dùng lá tía tô xát hàng ngày, liên tục trong

vài tuần lễ. Khi bên trong lên da non, ngoài mụn khô cứng, mất cảm giác, mụn sẽ tróc bất ngờ. Sau đó, còn cảm giác ngứa trong da thịt, nhưng kiêng gãi, chỉ lấy khăn nhúng nước sôi chườm để bớt ngứa, chườm nhiều lần sẽ hết ngứa và khỏi hẳn.

15. Chữa mụn nhọt sưng tấy :

Rễ tía tô, lá thanh yên giã nát, chế với giấm chung nóng đắp.

16. Chữa nhọt vỡ lâu ngày không liền miệng :

Lá tía tô, lá chanh, lá thanh yên, lá lốt, lá ráy, lượng bằng nhau, giã nhỏ. Lấy phần bên trong của vỏ cây chanh phơi khô giã thành bột mịn rắc, rồi gói các vị thuốc trên vào lá chuối tiêu, dùi lỗ đắp và băng lại. Mỗi ngày đêm thay thuốc một lần.

17. Chữa sưng tấy do ngã :

Lá tía tô sắc với đồng tiện, uống nóng.

18. Chữa rắn cắn :

Lá tía tô, lá rau sam dùng tươi, giã lấy nước cốt uống, bã đắp.

19. Chữa mày đay :

Tử tô 12g; kinh giới, ké đầu ngựa, ý dĩ, mỗi vị 16g; phòng phong, đan sâm, mỗi vị 12g; bạch chỉ, quế chi, mỗi vị 8g; gừng sống 6g. Sắc uống trong ngày.

20. Chữa suy nhược thần kinh :

Tô ngạnh 8g; câu đằng, thảo quyết minh, cam thảo dây, mỗi vị 12g; cúc hoa, hương phụ, chỉ xác, uất kim, mỗi vị 8g. Sắc uống ngày một thang.

21. Chữa ho gà giai đoạn đầu :

Lá tía tô 12g, cam thảo dây 10g; lá hẹ, lá xương sống, mỗi vị 8g; vỏ quýt 6g, gừng 2g. Sắc uống ngày một thang.

22. Chữa viêm phổi trẻ em :

a) *Thể phong hàn* : Tử tô 6g; kim ngân hoa, bồ công anh, cỏ nhọ nổi, mỗi vị 12g; bách bộ, tang bạch bì, trần bì, mỗi vị 6g. Sắc uống ngày một thang.

b) *Thể phong nhiệt* : Tử tô 8g; sài đất, thạch cao, mỗi vị 20g; kim ngân hoa 16g, lá tre 12g; hoàng liên, tang bạch bì, mỗi vị 8g. Sắc uống ngày một thang.

23. Chữa viêm cầu thận cấp tính :

Lá tía tô 12g; cam thảo đất, bông mã đề, mỗi vị 20g; cát căn, hành tâm, mỗi vị 12g; lá chanh 10g, lá tre 8g, gừng tươi 2g. Sắc uống ngày một thang.

24. Chữa bế kinh :

a) Tô ngạnh 8g; đan sâm, ngưu tất, mỗi vị 12g; xuyên khung 10g; quế chi, bạch chỉ, uất kim, nga truyệt, mỗi vị 8g. Sắc uống ngày một thang.

b) Tô ngạnh 8g; xuyên khung, ngưu tất, mỗi vị 12g; hương phụ, trần bì, ô dược, nga truật, uất kim, mỗi vị 8g. Sắc uống ngày một thang.

25. *Chữa phù khi mang thai* :

a) *Do thân dương hư* : Tô ngạnh 8g; bạch truật, mộc qua, mỗi vị 12g; phục linh, trư linh, thạch tả, trần

bì, đại phúc bì, tang bạch bì, mỗi vị 8g; binh lang, sa nhân, mộc hương, mỗi vị 6g. Sắc uống ngày một thang.

b) *Do khí trệ* : Tử tô, hương phụ, trần bì, ô dược, mộc qua, mỗi vị 8g; cam thảo 4g, sinh khương 2g. Sắc uống ngày một thang.

843. TÍA TÔ ĐẠI

Hyptis suaveolens (L.) Poit.

Tên khác: Hoắc hương núi, é rừng, é hoang, é lớn chông, sơn kiểng.

Tên nước ngoài: Ballote camphrée (Pháp).

Họ: Bạc hà (Lamiaceae).

Mô tả



Tía tô đại - *Hyptis suaveolens* (L.) Poit.

Cây thảo, cao 1 - 1,5 m, phân nhánh nhiều. Thân vuông mọc thẳng, có lông. Lá mọc đối, hình trái xoan hoặc hình trứng, dài 2 - 6 cm, rộng 1,5 - 2 cm, gốc tròn, đầu hơi nhọn, mép khía răng, hai mặt có lông, gân ít nổi rõ, cuống lá dài.

Cụm hoa mọc ở kẽ lá thành xim ít hoa; lá bắc hình chỉ; hoa nhỏ màu lơ nhạt, có cuống dài; dài hình

chuông, có 5 răng nhọn, 10 gân có lông, tràng có ống hình trụ ngắn, hơi phồng ở họng, chia 2 môi, môi dưới hình túi; nhị 4, 2 dài, 2 ngắn; bầu nhẵn.

Quả bế tư, dẹt.

Mùa hoa quả : tháng 5 - 9.

Phân bố, sinh thái

Hyptis Jacq. là một chi lớn, khoảng 400 loài, tập trung nhiều nhất ở vùng nhiệt đới châu Mỹ. Ở Việt Nam, chỉ có 3 loài, trong đó cây tía tô đại thường gặp nhất ở các tỉnh phía nam (Vũ Xuân Phương, 2000).

Tía tô đại có nguồn gốc ở vùng nhiệt đới Nam Á, phân bố ở khắp các nước vùng Nam Á và Đông Nam Á, như Ấn Độ, Xrilanca, Thái Lan, Malaysia, Philippin, Indonesia, Campuchia, Lào, Nam Trung Quốc và ở cả châu Phi, châu Mỹ. Ở Việt Nam, tía tô đại phân bố tập trung từ Nghệ An đến Long An, Tây Ninh và các tỉnh Tây Nguyên. Các tỉnh có nguồn tía tô đại nhiều nhất là Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Định, Khánh Hoà, Đồng Nai. Cây ưa sáng, có thể hơi chịu hạn; thường mọc thành đám ở các bãi hoang, ven đồi, hai bên đường đi; thích nghi với nhiều loại đất, như đất pha cát, đất lẫn sỏi đá ở vùng đồi. Tía tô đại sinh trưởng, phát triển mạnh vào mùa mưa ẩm, và ra hoa quả rất nhiều vào mùa khô. Hạt giống phát tán gần, nên cây thường tạo thành các quần thể, đôi khi dày đặc lẫn át cả cỏ dại.

Nguồn tía tô đại ở các tỉnh phía nam khá dồi dào. Cây gần như không bị khai thác; ước tính trữ lượng có đến một ngàn tấn.